|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH THANH HÓA**  Số: /2023/NQ-HĐND  **“DỰ THẢO”** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024* |   **NGHỊ QUYẾT**  **Về việc quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa** |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**  **1. Phạm vi điều chỉnh**  a) Nghị quyết quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được quy định tại Điều 27, 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.  b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tại tỉnh Thanh Hóa và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp quốc gia (phần kinh phí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện) được áp dụng quy định tại quy định này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).  **2. Đối tượng áp dụng**  Nghị quyết áp dụng đối với cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.  **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**  1. Các định mức chi quy định tại Nghị quyết này áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, được áp dụng bằng 50% định mức chi của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.  2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.  **Điều 3. Định mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**  1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ:  a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh là 32 triệu đồng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, mức chi thù lao không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.  b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).  2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu:  a) Thuê chuyên gia trong nước:  Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.  b) Thuê chuyên gia ngoài nước:  Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.  3. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết 185/2019/HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về đối tượng khách mời và mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí. Ngoài ra, quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:  - Người chủ trì: 1.600.000 đồng/buổi hội thảo;  - Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 400.000 đồng/buổi;  - Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 2.400.000 đồng/báo cáo;  - Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.200.000 đồng/báo cáo;  - Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 240.000 đồng/thành viên/buổi.  4. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.  5. Dự toán chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu khoa học và công nghệ được quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.  6. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ:  Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ.  **Điều 4. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**  1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng khoa học và công nghệ  a) Chi tiền thù lao:  Đơn vị tính: 1.000 đồng   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Khung định mức chi tối đa** | | **1** | **Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  | | a | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng |  | |  | Chủ tịch Hội đồng |  | 1.200 | |  | Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng |  | 800 | |  | Thư ký khoa học |  | 240 | |  | Thư ký hành chính |  | 240 | |  | Đại biểu được mời tham dự |  | 160 | | b | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  | |  | Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng |  | 400 | |  | Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biên trong Hội đồng | Nhiệm vụ | 560 | | c | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện |  |  | |  | Chủ tịch Hội đồng |  | 560 | |  | Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng |  | 400 | | **2** | **Chi về tư vấn, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN** |  |  | | a | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN | Hội đồng |  | |  | Chủ tịch Hội đồng |  | 1.440 | |  | Phó Chủ tịch Hội đồng, thành viên Hội đồng |  | 1.200 | |  | Thư ký khoa học |  | 240 | |  | Thư ký hành chính |  | 240 | |  | Đại biểu được mời tham dự |  | 160 | | b | Chi nhận xét, đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  | |  | Nhận xét, đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 560 | |  | Nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 800 | | **3** | **Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ** | Nhiệm vụ |  | | **a** | Chi họp Hội đồng nghiệm thu |  |  | |  | Chủ tịch hội đồng |  | 1.440 | |  | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng |  | 1.200 | |  | Thư ký khoa học |  | 240 | |  | Thư ký hành chính |  | 240 | |  | Đại biểu được mời tham dự |  | 160 | | **b** | Chi nhận xét đánh giá | 01 phiếu nhận xét đánh giá |  | |  | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng |  | 560 | |  | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng |  | 800 | | **4** | **Chi thù lao chuyên gia (hoặc cán bộ phụ trách) xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động cùa Hội đồng** | Chuyên gia/cán bộ phụ trách | 1.200 |   b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác (như: Họp Hội đồng tư vấn nhiệm vụ dừng thực hiện; Hội đồng tư vấn, thẩm định công nghệ chuyển giao; Hội đồng tư vấn, đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học …) được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này.  2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ  a) Chi tiền thù lao:  Đơn vị tính: 1.000 đồng   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Khung định mức tối đa** | | 1 | Tổ trưởng tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 800 | | 2 | Thành viên tổ thẩm định | Nhiệm vụ | 560 | | 3 | Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 240 | | 4 | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ | 160 |   b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.  3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập  Tổng mức dự toán thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 04 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.  4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**.**  a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa.  b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (như: Hội đồng đánh giá năng lực thực hiện của tổ chức chủ trì; Hội đồng đánh giá giữa kỳ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ...) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.  5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ (nếu có) được áp dụng theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.  6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.  **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**  1. Nguồn kinh phí chi thường xuyên cho lĩnh vực khoa học và công nghệ do ngân sách nhà nước đảm bảo (kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ).  2. Nguồn kinh phí hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.  3. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.  **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**  Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục và dự toán kinh phí trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt danh mục và dự toán cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ. |  |

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế đó.

**Điều 8. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;  - Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;  - Ban Công tác đại biểu-UBTVQH;  - Các Bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;  - TT HĐND, UBND cấp huyện;  - Trung tâm Công báo - Tin học;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;  - Lưu: VT, HĐ | **CHỦ TỊCH**  **Đỗ Trọng Hưng** |